

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Kiểm tra kiến thức của HS về:

- Tập hợp các số tự nhiên.
- Dấu hiệu chia hết.
- Số nguyên tố, hợp số.
- Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.
- Thứ tự trong tập hợp các số nguyên.
- Các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp các số nguyên.
- Tính chất giao hoán kết hợp, phân phối của phép nhân với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên.
- Cách tìm ƯCLN, BCNN vào giải các bài toán thực tế.
- Trục đối xứng của một hình phẳng.
- Tâm đối xứng của một hình phẳng.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.

2. Về năng lực:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học.
 - + Thực hiện được các phép toán
 - + Thực hiện được các phép tính về lũy thừa.
- Năng lực mô hình hóa toán học
 - + Vận dụng các công thức tính chu vi, diện tích hình thang.
 - + Vận dụng các bài toán vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm



II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

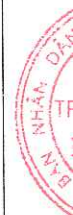
T T (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/ đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Chương I: Số tự nhiên	- Nhận biết được tập hợp số tự nhiên, DH chia hết. Nhận biết số nguyên tố, hợp số. Biết phân tích 1 số ra thừa số nguyên tố.	4 Câu 1,2,3, 4 1,0đ	Bài 1a 0,5đ		Bài 1b 0,5đ					20%
		Tìm ƯC và BC, ƯCLN; BCNN. Tìm x						Bài 2c 0,5đ			5%
		- Toán thực tế áp dụng UCLN - Sử dụng các tính chất chia hết để tìm số chia hết						Bài 3 1,0đ		Bài 6 0,5đ	15%
2	Chương II: Số nguyên	Nhận biết được thứ tự trên tập hợp số nguyên Cộng 2 số nguyên	Câu 5,6 0,5đ		Câu 7,8 0,5đ						10%
		Thực hiện phép tính với số nguyên, tính hợp lí, qui				Bài 1c 0,5đ					5%

		tắc dấu ngoặc								
		- Toán tìm x. - Tính tổng dãy số có quy luật		Bài 2a 0,5đ		Bài 2b 0,5đ			Câu 9, 12 0,5 đ	15%
3	Chương III: Hình học trực quan	Nhận biết được trục đối xứng, và tâm đối xứng của một hình phẳng. Vẽ được hình bình hành theo số liệu cho trước	Câu 11 0,25đ	Bài 4 1đ						12,5%
		Tính chu vi, diện tích hình đã học	Câu 10 0,25đ		Bài 5ab 1,0đ		Bài 5c 0,5đ			17,5%
Tổng										
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%	100%
Tỉ lệ chung			70%			30%			100%	



III. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
SỐ VÀ ĐẠI SỐ				NB	TH	VD	VDC
1	Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i>	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	<i>TN1</i>			
		<i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	<i>Nhận biết:</i> – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.	<i>TL1 a</i>			
			<i>Vận dụng:</i> – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính		<i>TL1b</i>		



		lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).				
		Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.	TN 2,3,4			
	Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất. – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).		TN7 TL2c	TL3	
		Vận dụng cao: – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề				TL6

HÌNH HỌC TRỰC QUAN				NB	TH	VD	VDC
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.	TL 4			
			Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).	TN 10	TL 5a,b		
			Vận dụng – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			TL5c	
4	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng	Nhận biết: – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	TN 11			

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm).

II. Ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Cho tập hợp số nguyên Z , cách viết nào sau đây đúng?

- A. $3 \notin Z$ B. $2, 3 \in Z$ C. $6 \in Z$ D. $-4 \notin Z$

Câu 2. Cho các số 125; 147; 149; 530. Số chia hết cho cả 2 và 5 là

- A. 530. B. 125 C. 147. D. 149.

Câu 3. Trong các số sau, số nguyên tố là

- A. 2 B. 9 C. 55 D. 57

Câu 4. Phân tích số 250 ra thừa số nguyên tố là

- A. $250 = 2 \cdot 5^2$ B. $250 = 2 \cdot 5^3$ C. $250 = 2 \cdot 125$ D. $250 = 2^2 \cdot 5^2$

Câu 5. Số đối của số $-(-41)$ là

- A. 14 B. -41 C. 401 D. -14

Câu 6. Có bao nhiêu số nguyên âm trong các số sau: -4; 1; 2; -12; 4; -56?

- A. 2 B. 1 C. 4 D. 3

Câu 7. Tập hợp các ước chung của 6 và 9 là

- A. $\{0; 3\}$ B. $\{1; 3\}$ C. $\{1; 5\}$ D. $\{1; 3; 9\}$

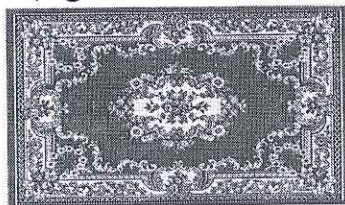
Câu 8. Liệt kê phần tử trong tập hợp sau: $D = \{x \in \mathbb{Z}, -1 \leq x < 2\}$

- A. $D = \{-1; 0; 1; 2\}$ B. $D = \{2; -1; 0\}$
C. $D = \{-1; 0; 1\}$ D. $D = \{-1; 0\}$

Câu 9. Lúc 3 giờ sáng nhiệt độ tại đỉnh Mẫu Sơn là -1°C , đến 5 giờ sáng nhiệt độ tăng thêm 3°C nữa. Tuy nhiên, đến 13 giờ chiều có không khí lạnh tăng cường nên nhiệt độ giảm thêm 10°C . Hỏi tại thời điểm 13 giờ nhiệt độ là bao nhiêu?

- A. 8°C B. -8°C C. 12°C D. -14°C

Câu 10. Diện tích tấm thảm có chiều rộng 40cm và chiều dài 50cm là



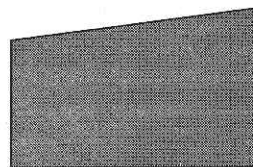
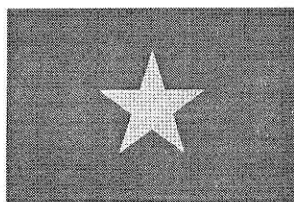
Hình 1

- A. 2000 cm. B. 180 cm.
C. 180 cm^2 . D. 2000 cm^2 .

Câu 11. Trong các hình sau, hình có trục đối xứng là hình

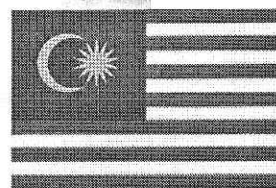
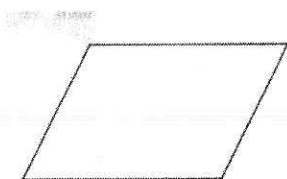
A.

B.



C.

D.



Câu 12. Số nguyên x thỏa mãn $(x+3)(x+5) < 0$ là

A. $x = -2$.

B. $x = -3$.

C. $x = -4$.

D. $x = -5$.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5đ) Thực hiện phép tính:

a) $45.9 + 11.45 - 15.20$

b) $2023 - [56 - (9 - 3)^2]$

c) $456 - (-63 + 456) + 37$

Bài 2. (1,5đ) Tìm x , biết

a) $x + 21 = 15$

b) $49 : (x + 12) = 7$

c) $x : 12; x : 25; x : 30$ và $0 < x < 350$

Bài 3. (1,0đ) Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 180 quyển vở, 60 bút chì và 90 tập giấy thành một số phần thưởng như nhau để chia cho học sinh nhân dịp kết học kì 1. Hỏi có thể chia được nhiều nhất là bao nhiêu phần thưởng? Mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bao nhiêu bút chì, bao nhiêu tập giấy?

Bài 4: (1,0 điểm). Vẽ hình bình hành ABCD biết $AB = 4\text{cm}$; $BC = 6\text{cm}$

Bài 5. (1,5đ) Một thửa ruộng hình thang cân có đáy lớn 120 m; đáy bé bằng $\frac{2}{3}$ đáy lớn

và chiều cao bé hơn đáy bé là 5 m.

a) Tính đáy bé của hình thang

b) Tính diện tích thửa ruộng hình thang.

c) Cứ 200m^2 thu được 129 kg thóc. Tính xem trên cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài 6. (0,5đ) Hãy viết thêm vào bên phải số 345 ba chữ số để nhận được một số có 6 chữ số chia hết cho 3; 7; 8?

.....Hết.....

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Toán 6

Tiết PPCT: 51+52. Năm học 2023-2024

Ngày kiểm tra: 23/12/2023

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	A	B	B	D	B	C	B	D	A	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm).

Bài	Nội dung	Điểm
1 (1,5đ)	a) $45.9+11.45-15.20$ $= 45.(9+11)-15.20$ $= 45.20-15.20$ $= 20.(45-15) = 20.30 = 600$	0,25 0,25
	b) $2023-[56-(9-3)^2]$ $= 2023-[56-6^2]$ $= 2023-[56-36]$ $= 2023-20 = 2003$	 0,25 0,25
	c) $456-(-63+456)+37$ $= 456+63-456+37$ $= (456-456) + (63+37) = 100$	 0,25 0,25
2 (1,5đ)	a) $x+21=15$ $x = 15-21$ $x = -6$	 0,25 0,25
	b) $49:(x+12)=7$ $x+12 = 49:7$ $x+12 = 7$ $x = 7-12$ $x = -5$	 0,25 0,25
	c. $x:12; x:25; x:30$ và $0 < x < 350$ $\Rightarrow x \in BC(12; 25; 30) = \{0; 300; 600; 900; \dots\}$ Mà $0 < x < 350$ nên $x=300$	 0,25 0,25

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

ĐỀ SỐ 2

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Toán 6

Thời gian làm bài: 90 phút

Tiết PPCT: 51+52. Năm học 2023-2024

Ngày kiểm tra: 22/12/2023

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm).

Ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Cho tập hợp số nguyên Z , cách viết nào sau đây đúng?

A. $-7 \in Z$

B. $-2,5 \in Z$

C. $-6 \notin Z$

D. $9 \notin Z$

Câu 2. Cho các số 125; 147; 149; 530. Số chia hết cho cả 2 và 5 là:

A. 530.

B. 125

C. 147.

D. 149.

Câu 3. Trong các số sau, số nguyên tố là

A. 4

B. 27

C. 29

D. 33

Câu 4. Phân tích số 300 ra thừa số nguyên tố là

A. $300 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$

B. $300 = 2 \cdot 3^2 \cdot 5$

C. $300 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5^2$

D. $300 = 2 \cdot 3 \cdot 5^2$

Câu 5. Số đối của số -74 là

A. 74

B. -74

C. 47

D. -47

Câu 6. Có bao nhiêu số nguyên dương trong các số sau: -7; 1; 3; 0; 7; -12; -4?

A. 2

B. 1

C. 4

D. 3

Câu 7. Tập hợp các ước chung của 8 và 12 là

A. $\{0; 4\}$

B. $\{1; 2\}$

C. $\{2; 4\}$

D. $\{1; 2; 4\}$

Câu 8. Liệt kê phân tử trong tập hợp sau: $E = \{x \in \mathbb{Z}, -3 < x \leq 1\}$

A. $E = \{-3; -2; -1; 0; 1\}$

B. $E = \{-2; -1; 0; 1\}$

C. $E = \{-3; -2; -1; 0\}$

D. $E = \{-2; -1; 0\}$

Câu 9. Lúc 3 giờ sáng nhiệt độ tại đỉnh Mẫu Sơn là -3°C , đến 5h sáng nhiệt độ tăng thêm 7°C nữa. Tuy nhiên đến 20 giờ nhiệt độ giảm thêm 6°C . Hỏi tại thời điểm 20 giờ nhiệt độ là bao nhiêu?

A. 5°C

B. -17°C

C. -2°C

D. 2°C

Câu 10. Diện tích của hình vuông có độ dài cạnh là 45 cm là

A. 160 cm^2 .

B. 2025 cm^2 .

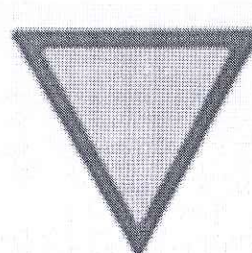
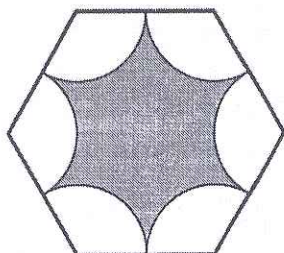
C. 180 cm^2 .

D. 180 cm.

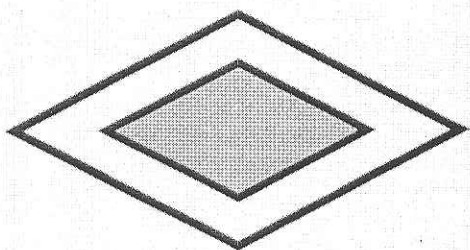
Câu 11. Trong các hình sau, hình **KHÔNG** có trục đối xứng là hình

A.

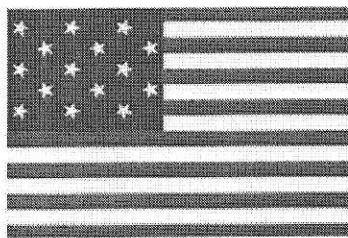
B.



C.



D.



Câu 12. Số nguyên x nào thỏa mãn biểu thức $(x+2)(x+5) < 0$?

A. $x = -7$.

B. $x = -4$.

C. $x = 3$.

D. $x = -6$.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1,5đ) Thực hiện phép tính (hợp lý nếu có thể)

a) $36.12 + 18.36 - 30.6$

b) $\left[(17-11)^2 + 18 \right] - 32$

c) $174 - (-58) - (174 + 42)$

Bài 2: (1,5đ) Tìm x , biết

a) $x + 30 = 29$

b) $56 : (x - 3) = 8$

c) $x : 10; x : 16; x : 32$ và $200 < x < 380$

Bài 3: (1,0 điểm) Bác An mua 140 quả táo, 84 quả cam và 112 quả lê. Bác An muốn chia tất cả số quả trên vào các giỏ như nhau để đem đi bán. Hỏi bác An có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu giỏ? Mỗi giỏ có bao nhiêu quả táo, bao nhiêu quả cam, bao nhiêu quả lê?

Bài 4: (1,0 điểm) Vẽ hình bình hành MNPQ biết $MN = 5$ cm; $MQ = 3$ cm

Bài 5: (1,5 điểm) Một mảnh đất hình thang cân có đáy bé 40 m; đáy lớn bằng $\frac{7}{4}$ lần đáy bé và chiều cao nhỏ hơn đáy lớn là 50 m.

a) Tính đáy lớn của mảnh đất hình thang cân?

b) Tính diện tích mảnh đất hình thang cân?

c) Người ta trồng cam trên mảnh đất đó biết cứ 8 m^2 thì thu hoạch được 15 kg cam. Hỏi người ta sẽ thu hoạch được bao nhiêu cam trên mảnh đất đó?

Bài 6. (0,5đ) Tìm số nguyên tố p sao cho $p + 4$; $p + 8$ là số nguyên tố.

.....**Hết**.....

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

ĐỀ SỐ 2

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Toán 6

Tiết PPCT: 51+52. Năm học 2023-2024

Ngày kiểm tra: 23/12/2023

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	C	C	A	D	D	B	C	B	D	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm).

Bài	Nội dung	Điểm
1 (1,5đ)	a) $36.12 + 18.36 - 30.6$ $= 36.(12 + 18) - 30.6$ $= 36.30 - 30.6$ $= 30.(36 - 6) = 30.30 = 900$	0,25 0,25
	b) $[(17 - 11)^2 + 18] - 32$ $= [6^2 + 18] - 32$ $= [36 + 18] - 32$ $= 54 - 32 = 22$	 0,25 0,25
	c) $174 - (-58) - (174 + 42)$ $= 174 + 58 - 174 + 42$ $= (174 - 174) + (42 + 58) = 100$	 0,25 0,25
2 (1,5đ)	a) $x + 30 = 29$ $x = 29 - 30$ $x = -1$	 0,25 0,25
	b) $56 : (x - 3) = 8$ $x - 3 = 56 : 8$ $x - 3 = 7$ $x = 10$	 0,25 0,25
	c) $x : 10; x : 16; x : 32$ và $200 < x < 380$ $\Rightarrow x \in BC(10; 16; 32) = \{0; 160; 320; 480; \dots\}$ Mà $200 < x < 380$ nên $x = 320$	 0,25 0,25

3 (1đ)	Gọi số giỏ quà có thể chia nhiều nhất là x (giỏ; $x \in \mathbb{N}^*$)	0,25
	$\left. \begin{array}{l} 140:x \\ 84:x \\ 112:x \end{array} \right\} \Rightarrow x = UCLN(140, 84, 112)$	0,5
	$UCLN(140, 84, 112) = 28$ Vậy có thể chia được nhiều nhất 28 giỏ Khi đó, mỗi giỏ có $140:28 = 5$ (quả táo) $84:28 = 3$ (quả cam) $112:28 = 4$ (quả lê)	0,25
4 (1đ)	Vẽ chính xác hình bình hành	0,75
	Kí hiệu các đoạn thẳng, các góc bằng nhau đầy đủ	0,25
5 (1,5đ)	a) Đáy lớn của mảnh đất là: $40 \cdot \frac{7}{4} = 70$ (m)	0,5
	b) Chiều cao của mảnh đất là: $70 - 50 = 20$ (m)	0,25
	Diện tích mảnh đất là: $(70 + 40) \cdot 20 : 2 = 1100$ (m^2)	0,25
	c) Số cam thu được trên mảnh đất là: $1100 : 8.15 = 2062,5$ (kg)	0,5
5 (0,5đ)	Nếu $p = 2$ thì $p + 4 = 2 + 6 = 8$ là hợp số (loại)	0,25
	Nếu $p = 3$ thì $p + 4 = 3 + 4 = 7$; $p + 8 = 3 + 8 = 11$ đều là số nguyên tố (nhận)	
	Nếu $p > 3$ thì p có dạng $p = 3k + 1$; $p = 3k + 2$ ($k \in \mathbb{N}^*$)	
	TH1: $p = 3k + 1 \Rightarrow p + 8 = 3k + 1 + 8 = 3k + 9 = 3(k + 3)$ là hợp số (loại)	0,25
	TH2: $p = 3k + 2 \Rightarrow p + 4 = 3k + 2 + 4 = 3k + 6$ là hợp số (loại)	
	Vậy $p = 3$.	

Ghi chú: Mọi cách giải khác đúng, phù hợp đều cho điểm tối đa.

DUYỆT ĐỀ

Ban Giám Hiệu

TTCM

Nhóm trưởng

GV ra đề



 Nguyễn T. Bích Ngân



 Nguyễn Thu Huyền



 Hoàng Phương Thuý



 Nguyễn Phụng Hồng